

Số: 66/2023/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

Về định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 407/BC-BĐT ngày 27 tháng 8 năm 2023 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

### 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định định mức hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, tiêu chí lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

#### b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch thực hiện trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương, tỉnh, huyện*) thuộc Chương trình.

- Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, đơn vị liên quan sử dụng vốn ngân sách nhà nước (*vốn sự nghiệp ngân sách trung ương, tỉnh, huyện*) để thực hiện Chương trình.

### 2. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) Hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 4 của Quy định mức hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án/kế hoạch liên kết trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao nhưng **không quá 10.000 triệu đồng** thực hiện một

✓

(01) dự án, kế hoạch liên kết từ nguồn ngân sách nhà nước (Không bao gồm dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý).

b) Hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất từ nguồn ngân sách Nhà nước thuộc hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án trên địa bàn khó khăn; 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia và phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án sản xuất trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao nhưng **không quá 5.000 triệu đồng** thực hiện một (01) dự án, phương án từ nguồn ngân sách nhà nước.

### **3. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất**

a) Bảo đảm theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương. nằm trong kế hoạch triển khai thực hiện do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Không gây ô nhiễm môi trường.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; và quy định tại các văn bản liên quan. ✓

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ mười ba thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 07 tháng 9 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Các Vụ Pháp chế: Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và PTNT; Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban Dân tộc;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**